



PHẦN IX

Phụ lục

THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG

Chỉ số	Đơn vị	2026
Năng lượng		
Điện EVN tiêu thụ	kWh	23.080.266,96
Tổng năng lượng tái tạo tiêu thụ	kWh	122.826
Tổng năng lượng điện tiết kiệm	kWh	75.658
Chất thải		
Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đúng quy định	%	100
Tỷ lệ công trường có hệ thống phân loại rác thải	%	100
Tổng số lượng thép đã thanh lý cho đơn vị cung cấp	Tấn	1.871.879
Số tiền thu hồi từ thanh lý vật liệu thừa (sắt, thép, gan foam)	VND	12.735.606.850
Vật liệu xanh		
Tỷ lệ sử dụng thép xanh	%	87
Tỷ lệ sử dụng bê tông xanh	%	28,3
Tỷ lệ sử dụng xi măng nhãn xanh	%	42,4
Tỷ lệ gạch không nung (theo thể tích)	%	31,4
Số công trình áp dụng tiêu chuẩn xanh (LEED, Green Mark, LOTUS)	Chứng chỉ	51
Số lượng nhà cung cấp xanh	Nhà cung cấp	64
Đa dạng sinh học		
Số lượng cây trồng tích lũy qua chương trình trồng rừng	Cây	33.063
Số lượng voọc gáy trắng được bảo tồn	Con	245

THÔNG SỐ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Chỉ số	Đơn vị	2026
Khí nhà kính		
Phát thải trực tiếp (Phạm vi 1)	tCO ₂ e	9.245,69
Phát thải gián tiếp (Phạm vi 2)	tCO ₂ e	16.579,48
Giảm phát thải		
Lượng phát thải được giảm nhờ sử dụng vật liệu xanh	tCO ₂ e	334.845,43
- Nhờ sử dụng gạch không nung	tCO ₂ e	12.428,78
- Nhờ sử dụng bê tông xanh	tCO ₂ e	52.298,50
- Nhờ sử dụng xi măng xanh	tCO ₂ e	18.074,30
- Nhờ sử dụng thép xanh	tCO ₂ e	252.043,85
Lượng phát thải được giảm nhờ di chuyển bằng xe điện Green SM	tCO ₂ e	4,93
Lượng phát thải được giảm nhờ đồng phục chất liệu dứa/bã cà phê	tCO ₂ e	16,55
Hoạt động kiểm kê khí nhà kính		
Số lượng công trường báo cáo trên hệ thống kiểm kê khí nhà kính	Công trường	55
Số lượng nhân sự được đào tạo kiểm kê khí nhà kính	Người	Hơn 350

CÁC THÔNG SỐ ESG TRỌNG YẾU

Chỉ số	Đơn vị	2026
Kinh tế		
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	34.340
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.020
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	788
Tổng tài sản	Tỷ đồng	38.751
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	9.652
Đóng góp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	434,18
Tổng số đối tác (nhà thầu phụ/nhà cung cấp)	Đối tác	29.738
Số nhà thầu phụ/nhà cung cấp được đánh giá định kỳ (bao gồm tiêu chí ESG)	Đơn vị	2.055
Xã hội – Nhân sự		
Tổng số cán bộ nhân viên	Người	4.080
Tỷ lệ nhân viên nữ	%	10,5
Tỷ lệ nhân viên nam	%	89,5
Tỷ lệ nhân viên dưới 30 tuổi	%	38,9
Tỷ lệ nhân viên từ 30–50 tuổi	%	54,8
Tỷ lệ nhân viên trên 50 tuổi	%	6,3
Tỷ lệ lao động là người miền Bắc	%	33,9
Tỷ lệ lao động là người miền Trung	%	16,4
Tỷ lệ lao động là người miền Nam	%	49,7
Tỷ lệ lao động là người nước ngoài	%	0,2
Tỷ lệ lao động tuyển mới là nữ	%	11,4
Tỷ lệ lao động tuyển mới là nam	%	88,6
Tỷ lệ lao động tuyển mới dưới 30 tuổi	%	67,1
Tỷ lệ lao động tuyển mới từ 30–50 tuổi	%	31,1

Chỉ số	Đơn vị	2026
Xã hội – Nhân sự		
Tỷ lệ lao động tuyển mới trên 50 tuổi	%	1,8
Tiền lương bình quân của cán bộ nhân viên	VNĐ/người	33.119.033
Tổng ngân sách an sinh xã hội	VNĐ	176.137.405.188
Tỷ lệ nhân sự được đánh giá hiệu quả công việc định kỳ	%	100
Đào tạo		
Tổng số giờ đào tạo cho nhân viên	Giờ	89.561
Số giờ đào tạo trung bình cho mỗi nhân viên	Giờ/người	25,6
Tỷ lệ cán bộ nhân viên được đào tạo	%	100
Tổng số học viên được đào tạo	Học viên	4.242
Số khóa học trên website đào tạo	Khóa	178
An toàn lao động		
Số giờ làm việc an toàn lao động	Giờ	68.110.908
Số lượng công nhân trung bình (bao gồm Unicons)	Người	32.245
Tổng số giờ đào tạo an toàn (bao gồm cả người lao động)	Giờ	73.517
Tỷ lệ công nhân được huấn luyện an toàn lao động	%	100
Số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc tử vong	Vụ	0
Chỉ số LTIFR (Chỉ số tần suất chấn thương mất thời gian làm việc)	-	Coteccons: 0,44 Unicons: 0,36
Trách nhiệm cộng đồng		
Tổng số tiền thực hiện các chương trình xã hội	VNĐ	13.300.629.156
Chương trình "Xây Tết"	Phần quà	Hơn 40.000
Chương trình "Nhà Minh"	Dự án	20
Tổng số học bổng trao tặng	Học bổng	615

MỤC LỤC GRI

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 2: Công bố thông tin chung (2021)				
2-1	Thông tin chi tiết về tổ chức	✓	Thông tin khái quát	41, 47
2-2	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo	✓	Phạm vi báo cáo, thông tin liên hệ	08, 09
2-3	Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	✓	Phạm vi báo cáo, thông tin liên hệ	08, 09
2-4	Trình bày lại thông tin	✓	Thông số môi trường, thông số phát thải khí nhà kính, các thông số vấn đề trọng yếu	105
2-5	Báo cáo được độc lập đảm bảo	✓	Báo cáo Phát triển bền vững được Coteccons đảm bảo và kiểm toán nội bộ	31
2-6	Hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh	✓	Các lĩnh vực kinh doanh chính	45, 47, 49, 51
2-7	Nhân viên	✓	Nguồn nhân lực cán bộ nhân viên	193, 195, 197, 213
2-8	Người lao động không phải là nhân viên	×	Nhân viên bên ngoài không phải là nhân viên của Coteccons. Trách nhiệm triển khai này thuộc phạm vi nhà thầu phụ. Vì vậy, Coteccons không có thông tin liên quan ở mục này	95
2-9	Cơ cấu quản trị	✓	Mô hình & cấu trúc quản trị công ty	47
2-10	Đề cử và lựa chọn cơ cấu quản trị cao nhất	×	Coteccons đã công bố ở Báo cáo thường niên 2026 - Đánh giá về yêu cầu cân đối thành viên và tính đa dạng của HĐQT	BCTN - 298
2-11	Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất	×	Coteccons đã công bố ở Báo cáo thường niên 2026 - Hội đồng quản trị	BCTN - 286
2-12	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc giám sát các tác động	×	Coteccons đã công bố ở Báo cáo thường niên 2026 - Vai trò giám sát của HĐQT	BCTN - 304
2-13	Phân công trách nhiệm trong việc quản lý các tác động	✓	Cơ cấu quản trị bền vững	59

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 2: Công bố thông tin chung (2021)				
2-14	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong Báo cáo Phát triển bền vững	✓	Cơ cấu quản trị bền vững	59
2-15	Xung đột lợi ích	✓	Đạo đức kinh doanh và tuân thủ, "OWN IT"	313, 315, 323, 325, 327, 329
2-16	Truyền thông về các mối quan tâm nghiêm trọng	✓	Ma trận trọng yếu, cơ hội & rủi ro, gắn kết các bên liên quan	73, 75, 77, 79, 83, 85
2-17	Kiến thức tập thể của cơ quan quản trị cao nhất	✓	Định hướng giai đoạn 2026 - 2030: Đưa ESG trở thành "DNA vận hành"	23, 65
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất	×	Coteccons đã công bố ở Báo cáo thường niên 2026 - Hoạt động Hội đồng quản trị và tình hình thực thi nghị quyết	BCTN - 300
2-19	Chính sách lương thưởng	✓	Lương thưởng minh bạch và chuyển đổi số trong quản trị nguồn nhân lực	
2-20	Quy trình xác định lương thưởng	✓		199
2-21	Tỷ lệ lương và lương thưởng	✓		
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	✓	Tầm nhìn - Sứ mệnh - Cam kết Phát triển bền vững	
2-23	Các cam kết chính sách	✓		55, 57
2-24	Lồng ghép các cam kết chính sách	✓		
2-25	Quy trình khắc phục các tác động tiêu cực	✓	Cấu trúc quản trị công ty theo mô hình 3 tuyến	327, 329
2-26	Tham vấn các bên liên quan	✓	Gắn kết các bên liên quan	83
2-27	Tuân thủ pháp luật và các quy định	✓	Coteccons xác định tuân thủ pháp luật và quy định là một vấn đề trọng yếu. Tuân thủ pháp luật được thực hiện xuyên suốt ở tất cả các hoạt động của công ty	73, 147
2-28	Thành viên các hiệp hội	✓	Hợp tác vững chắc	337, 339, 341, 343
2-29	Phương pháp tiếp cận đối với các bên liên quan	✓	Gắn kết các bên liên quan	83
2-30	Thỏa ước thương lượng tập thể	✓	Mối quan hệ làm việc hài hòa	193, 195, 197

MỤC LỤC GRI

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 3: Lĩnh vực trọng yếu (2021)				
3-1	Quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu	✓	Xác định các vấn đề trọng yếu	83
3-2	Danh sách các lĩnh vực trọng yếu	✓	Xác định các vấn đề trọng yếu	83
3-3	Quản trị các lĩnh vực trọng yếu	✓	Xác định các vấn đề trọng yếu	83
GRI 201: Hiệu quả hoạt động kinh tế (2016)				
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân bổ	✓	Hiệu quả hoạt động kinh tế	89
201-2	Ảnh hưởng tài chính và các rủi ro và cơ hội do biến đổi khí hậu	✓	Các cơ hội rủi ro về các vấn đề trọng yếu	75, 77, 79
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi xã hội được xác định	✓	Chính sách phúc lợi và lương thưởng	199
201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ	N/A	Coteccons không nhận bất kỳ hỗ trợ tài chính từ Chính phủ dưới bất kỳ hình thức nào	
GRI 202: Sự hiện diện thương hiệu (2016)				
202-1	Tỷ lệ mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu vùng	✓	Lương thưởng minh bạch và chuyển đổi số trong quản trị nguồn nhân lực	199
202-2	Tỷ lệ thành viên lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	×	Do đặc thù ngành xây dựng với công trình trải dài khắp cả nước nên Coteccons chưa công bố thông tin.	
GRI 203: Tác động kinh tế gián tiếp (2016)				
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	✓	Tác động kinh tế gián tiếp	93, 95
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	✓	Tác động kinh tế gián tiếp	93, 95

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 204: Thông lệ mua sắm (2016)				
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho nhà cung cấp địa phương	✓	Chiến lược mua hàng tập trung	141
GRI 205: Chống tham nhũng (2016)				
205-1	Các hoạt động được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	✓	Quản trị rủi ro hệ thống	323, 325, 327, 329
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	✓	Đạo đức và liêm chính	315, 321
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	N/A	Coteccons không ghi nhận bất kỳ vụ việc tham nhũng trong năm 2026	323
GRI 206: Hành vi cạnh tranh (2016)				
206-1	Các hành vi vi phạm chống cạnh tranh, chống độc quyền	N/A	Coteccons không ghi nhận vi phạm nào về chống cạnh tranh, độc quyền	
GRI 207: Thuế (2019)				
207-1	Phương pháp tiếp cận thuế	✓	Thuế và An sinh xã hội	93, 95
207-2	Quản lý thuế, kiểm soát và quản lý rủi ro	✓	Thuế và An sinh xã hội	93, 95
207-3	Sự tham gia của các bên liên quan và quản lý các mối liên quan đến thuế	✓	Thuế và An sinh xã hội	93, 95
207-4	Báo cáo lợi nhuận quốc gia	✓	Thuế và An sinh xã hội	93, 95
GRI 301: Vật liệu (2016)				
301-1	Vật liệu đầu vào được sử dụng theo trọng lượng hoặc thể tích	✓	Một số vật liệu xây dựng được mua và ghi nhận theo trọng lượng và thể tích	321
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	✓	Công trường bền vững	135
301-3	Sản phẩm được tái chế và/ hoặc bao bì sản phẩm	✓	Công trường bền vững	107 - 135

MỤC LỤC GRI

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 302: Năng lượng (2016)				
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	✓	Tiêu thụ năng lượng	103
302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	×	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức không thuộc phạm vi quản lý của Coteccons	
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	×	Coteccons sẽ thực hiện cường độ sử dụng năng lượng trong những năm tiếp theo	
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	✓	Hiệu quả tài chính từ công trường bền vững	135
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	✓	Hiệu quả năng lượng, chuyển đổi số	135
GRI 303: Nước và nước thải (2018)				
303-1	Tương tác với nước như một nguồn tài nguyên chung	✓	Quản lý nước thải	
303-2	Quản lý các tác động liên quan đến nước	✓	Quản lý nước thải	147, 149
303-3	Nước đầu vào	✓	Quản lý nước thải	147
303-4	Nước thải	✓	Quản lý nước thải	147
303-5	Nước tiêu thụ	✓	Quản lý nước thải	147
GRI 304: Đa dạng sinh học (2016)				
304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, thuê, quản lý trong hoặc gần các khu vực được bảo tồn và các khu có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	N/A	Coteccons không có hoạt động trong hoặc gần các khu vực được bảo tồn và các khu có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	
304-2	Các tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	✓	Trồng rừng, bảo tồn vọc gáy trắng	157 - 165
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	✓	Trồng rừng, bảo tồn vọc gáy trắng	157 - 165

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 304: Đa dạng sinh học (2016)				
304-4	Các loài trong Sách đỏ của IUCN và các loài trong Danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	N/A	Coteccons ghi nhận không có loài thuộc Danh mục đỏ IUCN và loài thuộc Danh mục bảo tồn quốc gia có sinh cảnh sống tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động của công ty	
GRI 305: Phát thải (2016)				
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	✓	Kiểm kê khí nhà kính theo GHG Protocol và ISO 14064-1:2018	105
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	✓	Kiểm kê khí nhà kính theo GHG Protocol và ISO 14064-1:2018	105
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	×	Hiện tại, Coteccons đang tập trung chuẩn hóa tính toán phát thải khí nhà kính ở Phạm vi 3 và sẽ công bố sau khi hoàn tất quy trình	
305-4	Cường độ phát thải khí nhà kính (GHG)	×	Coteccons đang thực hiện chuẩn hóa kiểm kê khí nhà kính ở Phạm vi 3 và tiến đến tính toán cường độ phát thải theo đặc thù ngành Xây dựng	
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	✓	Phát thải giảm được từ vật liệu xanh, lan tỏa thực hành xanh trong vận hành	105, 141, 145
305-6	Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	×	Coteccons đang cập nhật và hoàn chỉnh thu thập các chỉ số ODS	
305-7	Nitrogen oxides (NOx), sulfur oxides (SOx) và các phát thải không khí khác	N/A	Theo quy định của pháp luật, Coteccons không phải là đối tượng bắt buộc quan trắc khí thải định kỳ	

MỤC LỤC GRI

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 306: Chất thải (2020)				
306-1	Phát sinh chất thải và các tác động liên quan đến chất thải	✓	Quản lý rác thải	153, 155
306-2	Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	✓	Quản lý rác thải	153, 155
306-3	Chất thải phát sinh	✓	Quản lý rác thải	155
306-4	Chất thải được chuyển hướng khỏi việc thải bỏ	✓	Quản lý rác thải	131, 133
306-5	Chất thải được xử lý	✓	Quản lý rác thải	155
GRI 308: Đánh giá môi trường nhà cung cấp (2016)				
308-1	Nhà cung cấp mới được đánh giá bằng các tiêu chí môi trường	✓	Đánh giá nhà cung cấp theo ESG Scorecard	141
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động được thực hiện	✓	Đánh giá nhà cung cấp theo ESG Scorecard	195
GRI 401: Việc làm (2016)				
401-1	Tuyển dụng mới và tỷ lệ luân chuyển nhân viên	✓	Nguồn nhân lực cán bộ nhân viên	
401-2	Phúc lợi cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên bán thời gian hoặc tạm thời	×	Chính sách phúc lợi và thăng tiến	197
401-3	Nghỉ thai sản	✓	Chính sách nghỉ thai sản của CBNV	211
GRI 402: Lao động và Quan hệ lao động (2016)				
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	✓	Mối quan hệ làm việc hài hòa	

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (2018)				
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	Chuyển đổi số trong quản lý HSE: Từ báo cáo đến quản lý rủi ro	179
403-2	Nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	✓	Phát triển năng lực lãnh đạo và chuyên môn cho quản lý rủi ro	175
403-3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	✓	Nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động	175
403-4	Sự tham gia của người lao động, tham vấn và truyền thông về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	Nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động, cảm ơn người xây dựng	169 - 175
403-5	Huấn luyện an toàn và sức khỏe lao động	✓	Nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động	169 - 175
403-6	Nâng cao sức khỏe cho người lao động	✓	Nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động	169 - 175
403-7	Phòng ngừa và giảm thiểu các tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp liên kết các tiếp xúc môi trường kinh doanh	✓	Nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động	169 - 175
403-8	Nhân viên được bao phủ bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	SAFE 9: Ngôn ngữ an toàn chung trên toàn công ty, nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động	177
403-9	Thương tích liên quan đến công việc	✓	Các thông số ESG trọng yếu	173
403-10	Sức khỏe liên quan đến công việc	✓	Nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động	169 - 175
GRI 404: Giáo dục và đào tạo (2016)				
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	✓	Phát triển năng lực đội ngũ	205
404-2	Các chương trình nâng cao năng lực nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển đổi	✓	Phát triển năng lực đội ngũ	205, 207, 209
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	✓	Lương thưởng minh bạch và chuyển đổi số trong quản trị nguồn nhân lực	197, 199

MỤC LỤC GRI

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 405: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng (2016)				
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	✓	Nguồn nhân lực cán bộ nhân viên, Khung quản trị công ty minh bạch	193, 195, 213, 303
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của nữ so với nam giới	×	Chưa có thông tin trong Báo cáo PTBV 2026	
GRI 406: Không phân biệt đối xử (2016)				
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	×	Coteccons không ghi nhận bất kỳ vụ việc phân biệt đối xử trong năm 2026	
GRI 407: Tự do lập hội/Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể (2016)				
407-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có nguy cơ cao đối với quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể	✓	Mối quan hệ làm việc hài hòa	143, 223
GRI 408: Lao động trẻ em (2016)				
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có nguy cơ đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	✓	Chính sách "Bộ Quy tắc ứng xử cho Đối tác kinh doanh"	315
GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc (2016)				
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có nguy cơ đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	✓	Chính sách "Bộ Quy tắc ứng xử cho Đối tác kinh doanh"	315
GRI 410: Thông lệ bảo vệ an ninh (2016)				
410-1	Nhân viên an ninh được đào tạo về các chính sách hoặc thủ tục nhân quyền	N/A	Ban An ninh Coteccons tổ chức quản lý các dịch vụ an ninh được thuê bên ngoài. Vì vậy, các nhân viên an ninh ở các công trường thuộc phạm vi quản lý của đơn vị khác không phải Coteccons	

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/ Ghi chú
GRI 411: Quyền của người bản địa (2016)				
411-1	Các vụ việc vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	N/A	Coteccons không phát sinh vụ việc vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	
GRI 413: Cộng đồng địa phương (2016)				
413-1	Hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và chương trình phát triển	✓	Phát triển cộng đồng bền vững	93, 163, 165, 281, 283
413-2	Hoạt động có các tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đối với cộng đồng địa phương	N/A	Coteccons tuân thủ pháp luật Việt Nam và không ghi nhận hoạt động vi phạm tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương	
GRI 414: Đánh giá xã hội nhà cung cấp (2016)				
414-1	Nhà cung cấp mới được đánh giá bằng các tiêu chí xã hội	✓	Đánh giá nhà cung cấp theo ESG Scorecard	141, 143
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động khắc phục	✓	Đánh giá nhà cung cấp theo ESG Scorecard	141, 143
GRI 415: Chính sách công (2016)				
415-1	Đóng góp chính trị	N/A	Coteccons nghiêm túc tuân thủ pháp luật và không thực hiện bất kỳ khoản tài trợ chính trị, vận động hành lang và hoạt động trực tiếp đến chính sách công	
GRI 416: Sức khỏe và an toàn của khách hàng (2016)				
416-1	Đánh giá các tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ theo danh mục	✓	Nâng chuẩn quốc tế về sức khỏe và an toàn lao động	169 . 179
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ	N/A	Coteccons không ghi nhận bất kỳ vụ việc nào không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ	

MỤC LỤC GRI

Chỉ số GRI	Chi tiết	Nội dung áp dụng báo cáo PTBV 2026	Tham chiếu nội dung thể hiện	Trang/Ghi chú
GRI 417: Tiếp thị và nhãn hiệu (2016)				
417-1	Các yêu cầu về ghi nhãn và thông tin sản phẩm và dịch vụ	✓	Tổng quan về Coteccons	41, 43, 45, 49, 51
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	N/A	Coteccons không ghi nhận vụ việc không tuân thủ nào liên quan đến nhãn hiệu và truyền thông tiếp thị	
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	N/A	Coteccons không ghi nhận vụ việc không tuân thủ nào liên quan đến nhãn hiệu và truyền thông tiếp thị	
GRI 418: Quyền riêng tư của khách hàng (2016)				
418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc xâm phạm/báo mật thông tin khách hàng	✓	Bảo mật thông tin khách hàng	329

THÔNG TIN LIÊN HỆ CÔNG TY & TIỂU BAN ESG

TRỤ SỞ CHÍNH
Tòa nhà Coteccons, 236/6 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 3514 2255 / 3514 2266
Email: contact@coteccons.vn

THÔNG TIN PHẢN HỒI VÀ GÓP Ý, XIN LIÊN LẠC:

TIỂU BAN ESG
236/6 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG GIA ĐỊNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tel: 84.28-35142255/66
Email: esgctd@coteccons.vn



Toàn cảnh giải chạy
GreenUP Marathon
2025 tại TP.HCM.

Liên Hợp quốc từng chia sẻ rằng:
“Tương lai của nhân loại và hành tinh nằm trong chính đôi tay chúng ta”.

Coteccons cũng thấu hiểu như vậy. **FUTURE INSIDE YOU - TƯƠNG LAI BẮT ĐẦU TỪ CHÍNH BẠN** không chỉ là một thông điệp mà là niềm tin rằng hạnh phúc bắt đầu từ những điều chúng ta lựa chọn và thực hiện hôm nay.

Như “Chuyến tàu hạnh phúc” mang theo những nụ cười và lời chúc trên hành trình Bắc - Nam, mỗi lựa chọn xanh, mỗi hành động tử tế và mỗi bước tiến của người Coteccons đều góp phần đặt thêm một viên gạch cho hành trình trưởng thành và nối dài niềm tin vào tương lai phía trước.



“Học bổng của con là
‘Xây Nền Ước Mơ’, còn
‘học bổng’ của tui là thấy con
minh trưởng thành, học giỏi”

Anh LÊ HỮU HÙNG (bên trái)
Công nhân xây dựng,
dự án The Global City (TP.HCM)



Báo Nhân Dân, Trung tâm Đào tạo và Truyền thông, Coteccons, Saigon Times Foundation cùng các đơn vị, tổ chức trân trọng trao tặng 615 suất học bổng “Xây nền ước mơ 2026” cho con em công nhân tại 84 công trường Coteccons và 5 công ty vệ sinh môi trường, thoát nước đô thị tại TP.HCM, Hà Nội, Đà Nẵng.